

GIỚI THIỆU CUỐN SÁCH: “CỔ ĐẠI VỊNH SỬ THI TINH TUYỂN ĐIỂM BÌNH”

Bùi Duy Dân

Khoa Tiếng Việt và Văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài

Trường ĐH KHXH & NV, ĐHQG Hà Nội

Đã có hàng ngàn trang viết, hơn chục công trình nghiên cứu về thơ vịnh sử văn học trung đại Việt Nam, trong đó các tác gia đã đề cập nhiều vấn đề về nội dung và nghệ thuật của lối thơ vịnh sử Việt Nam vốn có gốc gác từ Trung Quốc. Thơ vịnh sử có nguồn gốc từ bao giờ? Tiến trình của nó phát triển ra sao? Tại sao văn học nghệ thuật lại có nhu cầu ra đời một thể loại sử vịnh bên cạnh các thể loại khác? Mối duyên giữa lịch sử và thi ca đã mở ra một lĩnh vực mới cho thi ca cổ điển Việt Nam, hình thành nên một mảng thơ độc lập, đó là thơ vịnh sử, có giống và khác nhau gì với thơ văn cổ điển Trung Quốc không?

Bài giới thiệu về cuốn sách này, ngõ hầu đóng góp một tư liệu nhỏ cho các nhà nghiên cứu đối chiếu, so sánh thơ vịnh sử Trung Quốc và Việt Nam.

Cuốn sách viết bằng tiếng Trung có tên là: **“Cổ đại vịnh sử thi tinh tuyển điểm bình”**.

Người biên soạn: **Nhạc Hi Nhân**.

Nhà xuất bản: **Quảng Tây Sư phạm Đại học**; Xuất bản lần thứ nhất tháng 10 năm 1996; In lần đầu tháng 10 năm 1996.

Quy cách: Sách khổ 14x20 gồm 346 trang *nội dung*, 12 trang *lời nói đầu*, 7 trang *Mục lục* và gồm 332.000 *chữ Hán*.

Cuốn sách chia làm hai phần:

Phần I: Lí luận chung về thơ vịnh sử.

Phần II: Tinh tuyển những bài thơ vịnh sớm nhất và hay nhất của văn học cổ điển Trung Quốc.

Trong khuôn khổ bài viết có tính chất giới thiệu, chúng tôi chỉ xin được giới thiệu một vấn đề mà tác giả Nhạc Hi Nhân đã viết đó là: Sự phân loại thơ vịnh sử.

Xét về nội dung thơ vịnh sử có thể chia làm 3 loại:

1. Chuyên vịnh một người một việc;
2. Phiếm vịnh người xưa;
3. Chuyên vịnh đạo đức trong lịch sử;

Loại thứ nhất nhiều nhất, cũng là đơn thuần nhất. *Ta Bá Di* của Đông Phương Sóc, *vịnh sử* của Ban Cố, *vịnh sử* của Vương Xán v.v... đều là thơ loại này. Con đường phát triển của nó sau này cũng ngày một thịnh.

Loại thứ hai đứng thứ hai về số lượng, đó chính là con đường thơ *vịnh sử* của Tử Tư.

Loại thứ ba cũng ít hơn loại thứ hai về số lượng, tác phẩm tiêu biểu như *Độc sử* của các nhà thơ Vương An Thạch, Phạm Đại Thành.

Ba loại này bổ sung lẫn nhau, điểm và diện kết hợp nhau, cá biệt và thông thường bổ sung nhau, cùng nhau hoàn thành cách cục của thơ vịnh sử.

Xét về mặt sáng tạo ý nghĩa, thơ vịnh sử cũng có thể phân chia ba loại, phân biệt dùng ba loại phương pháp thể hiện ý đồ sáng tác:

1. Phương pháp lật giờ chuyện xưa;
2. Phương pháp suy rộng;
3. Phương pháp xưa dùng nay;

Tác phẩm vận dụng phương pháp thứ nhất rất nhiều, chẳng hạn như *Xích Bích*, *Đề Ô Giang đình* của Đỗ Mục, *Tây Thi* của La Ân, *Hiếu đẳng Côn Dương cố thành* của Hách Kinh v.v... ở đây còn có tác phẩm lật giờ của lật giờ, như *Ô Giang đình* của Vương An Thạch là lật giờ đối với tác phẩm cùng tên của Đỗ Mục. Phương pháp lật giờ khiến người ta có cảm giác từ trong cái cũ được thấy cái mới.

Tác phẩm vận dụng phương pháp suy rộng, về mặt số lượng là nhiều nhất, nó suy rộng, đi sâu, từ sự thật lịch sử được vịnh, mà đưa ra kết luận có tính quy luật, từ đó làm cho tác phẩm thăng hoa, đạt đến tầm cao tư tưởng nhất định. Chẳng hạn các tác phẩm *Vịnh Nhị Sơ*, *Vịnh Kinh Kha* của Đào Uyên Minh, *Ngũ Quân Vịnh* của Nhan Diên Chi v.v...

Các tác phẩm vận dụng phương pháp xưa dùng nay, về số lượng cũng không ít, đó chính là các tác phẩm tên đề là *vịnh sử* nhưng thực lại là thơ vịnh hoài, chẳng hạn các tác phẩm bắt đầu từ *Đông Phương Sóc*, *Tả Tư*.

Xét về cách viết, thơ vịnh sử chủ yếu vận dụng một số phương pháp sau:

1. Dĩ ngữ quát sử: Cũng chính là nói, tác giả không miêu thuật quá nhiều đối với sự thật lịch sử được vịnh, mà chỉ lấy vài lời kín đáo bao quát sự thật lịch sử. Nắm bắt gốc rễ nghị luận, còn độc giả muốn đọc hiểu bài thơ thì cần phải có sự hiểu biết thấu triệt đối với sự thật lịch sử tương quan, nếu không sẽ khó hiểu rõ bài thơ. Đây là phương pháp sử dụng phổ biến. Loại tác phẩm này có sự khác biệt cơ bản với các tác phẩm vịnh sử “tự thuật mà không thoát ra khỏi ý mình”

2. Chỉ dùng nghị luận: Tức tác giả lấy lấy sự thật lịch sử mà độc giả đã biết rõ làm điều kiện tiền đề, không hao phí công sức vào việc miêu thuật sự thật lịch sử, mà trực tiếp đi thẳng vào nghị luận lịch sử, lấy kiến giải của mình cấu thành thiên chương như *Ô Giang đình* của Đỗ Mục.

3. Lấy sử thuật sử: Tác giả đầu tư phần lớn công sức của mình khái thuật cuộc đời nhân vật hoặc sự kiện được vịnh, thông qua văn tự khái thuật ngắn gọn, khiến cho nhân vật hoặc sự kiện được vịnh hiện hiện một cách rõ ràng, sinh động trước mắt độc giả. Trên cơ sở này, họa long điểm nhãn, dùng nghị luận kết thúc, khiến cho cảnh giới hiện ra toàn diện. Chẳng hạn như tác phẩm *Độc Trần Thắng truyện* của Khuất Đại Quân.

4. Lấy sử chứng sử: Tức dùng nhân vật hoặc sự kiện có số phận tương đồng hoặc có tính chất tương tự tá chứng nhân vật hay sự kiện được vịnh, lấy sử luận sử, dùng loại chứng pháp quán triệt ý đồ sáng

tác, thu được hiệu quả lời ít ý nhiều. Chẳng hạn tác phẩm *Đế Đào Hoa Phu Nhân* miếu của Đỗ Mục, *Điếu đài* của Trương Thụ v.v...

Xưa nay, bàn về tố chất của lương sử có thuyết “đức, tài, học, thức”, cho rằng thiếu một cũng không được, đó là sự bàn luận toàn vẹn, mặc dù có sự giải thích khác với 4 tiêu chí trên. Kì thực, không riêng sử gia như thế, tác giả thơ vịnh sử cũng phải có đủ những tố chất đó, nếu không thì viết thơ vịnh sử không hay. Đương nhiên thơ vịnh sử rất cuộc cũng là thơ, là văn học, vì thế tác giả cần phải là thi nhân tinh thâm thi đạo. Không có đủ tố chất lương sử, thì tác phẩm cuối cùng không trở thành tác phẩm vịnh sử hay được, song không có tu dưỡng của thi nhân, thì tác phẩm cũng không phải là thơ vịnh sử, mà là sử luận. Sự kết hợp hữu cơ giữa tài năng sử và tài năng thơ sẽ sáng tạo ra thơ vịnh sử hay. Trong 4 tố chất trên, tố chất cần phải có nhất cho tác giả thơ vịnh sử là “thức”, tức tri thức, kiến thức lịch sử. Cũng chính là nói, phải có con mắt riêng, nhìn nhận lại lịch sử, nêu lên những điều mọi người chưa nói, vạch ra quy luật phát triển của lịch sử và tinh thần nghĩa khí nhân sinh, trả lại diện mạo vốn có của lịch sử. Thiếu tri thức lịch sử, thơ vịnh sử tất nhiên bình thường. Trong lịch sử thi ca, thi nhân lao tâm khổ tứ sáng tác thơ vịnh sử, cuối cùng có thi tập riêng vịnh sử thi, nhưng tác phẩm của họ ngược lại không xuất sắc, đồng thời không được người đời biết đến, truyền tụng, ảnh hưởng còn xa mới bằng một thi nhân chỉ dùng một ít công phu sức lực sáng tác thơ vịnh sử, nguyên nhân đại khái là vì thiếu tri thức lịch sử. Điều đó rất có thể nói rõ vấn đề, sáng tác ở vị tất đã có được sức ảnh hưởng lâu dài.

Nhưng chúng ta ngược lại đã phát hiện được một kiểu “tập đoàn oanh tạc” đó là những đề tài nóng hổi nhiều lần lọt vào mắt xanh của thi nhân các đời. Trong lịch sử phát triển hơn 2000 năm của thơ vịnh sử, sự thực lịch sử được vịnh quả thực rất phong phú đa dạng, nhưng có một số đề tài lịch sử, thậm chí là tương đối xa vắng, song đồng thời lại đem đến ấn tượng rõ ràng, mãnh liệt cho con người, đó chính là một số nhân vật và sự kiện nổi tiếng, lọt vào mắt xanh của các thi nhân ở các thời đại khác nhau, được đặc tả, tô vẽ đủ màu. Các nhà thơ hình như rất muốn thể hiện kiến thức phi phàm và công lực nghệ thuật của mình trong những đề tài quen thuộc, đó có thể là vì những đề tài này bản thân nó có nội dung lịch sử nhiều tầng thứ, nhiều góc cạnh, chứ không

phải sử liệu bình thường, chân thực, vì thế mới có mảnh đất cho việc mài giũa, mới đáng để thi nhân các đời thi nhau thể hiện tài năng, không tiếc công sức. Những đề tài này số lượng không ít, chẳng hạn như:

Nói về nhân vật, có Khương Thái Công, Bá Di, Thúc Tề, Tam Lương, Túc Phu nhân, Ngô Vương Phù Sai, Việt Vương Câu Tiễn, Phạm Lãi, Ngũ Tử Tư, Lỗ Trọng Liên, Tây Thi, Khuất Nguyên, Tấn Thủy Hoàng, Hạng Vũ, Lưu Bang, Hàn Tín, Hán Vũ đế, Mã Viện, Tào Tháo, Đào Uyên Minh, Vu Khiêm v.v...

Nói về sự kiện, thì có Bá Di, Thúc Tề xấu hổ vì ăn thóc nhà Chu, Khương Thái công buông câu, Trụ Vương hoang dâm, Ngô Việt chi chiến, Tấn Thủy Hoàng cầu trường sinh, Phần thư Khanh nho, Tấn Thủy Hoàng bị phục kích ở Bắc Lăng Sa, Cự Lộc chi chiến, Hồng Môn yến, Hạng Vũ tự vẫn ở Ô Giang, Lưu Bang sát hại công thần, Văn Thiên Tường thà chết không chịu khuất, Sử Khả Pháp đem thân chống Thanh v.v...

Còn nói về dấu tích lịch sử thì có Đào Hoa Phu Nhân miếu, Cô Tô đài, A phòng cung, Kim Lăng, Đài Thành, Nhạc Phi mộ, Vu Khiêm mộ v.v...

Những điểm nóng của thơ vịnh sử kể trên, các đời đều không có ít giai tác, cấu thành diện mạo cơ bản của thơ vịnh sử, cũng thể hiện trình độ chinh thể của thơ vịnh sử. Trong những điểm nóng đó, e rằng phải kể đến Nghiêm Quang và điệu dài của ông. Đó là điểm náo nhiệt nhất, lịch đại ngâm vịnh nhiều nhất, có tới hàng trăm bài, có người đã sưu tập thành chuyên tập. Những tác phẩm có cùng tên đề này tuyệt đại bộ phận đại đồng tiểu dị, nhưng trong số tiểu dị cũng có thể thấy tâm tính, tài tình, kiến thức của tác giả. Còn có một số tác giả kết luận trái ngược nhau, hợp lại mà xét, đủ để gọi suy nghĩ sâu xa cho người nghiên cứu. Thơ vịnh sử có phong cách nghệ thuật riêng của nó. Đây thực sự là một vấn đề lớn cần phải có một chuyên luận để giải quyết. Ở đây, tôi muốn trình bày từ góc độ mỹ học, chú ý nghiên cứu kết cấu tầng sâu của thơ vịnh sử. Nói cụ thể có 3 điểm dưới đây:

1. Sự thống nhất giữa tinh thần lịch sử và tính hiện thực

Đây là đặc trưng cơ bản của thơ vịnh sử, là một trong những tố chất của nó. Tinh thần lịch sử của thơ vịnh sử là cái không nói mà có

thể hiện được. Nó được thể hiện ra ở các mức độ khác nhau, các tác phẩm khác nhau, phân lượng của nó có sự khu biệt nặng nhẹ, mức độ của nó có độ nông sâu, cảnh giới của nó có phân cao thấp. Nhưng nếu chỉ có tinh thần lịch sử thì chưa phải là tác phẩm thành công, thơ vịnh sử cần phải có cả tính hiện thực nữa, tức phải có con mắt nhìn nhận đối với cuộc sống, cũng chính là thể hiện nguyên tắc “xưa dùng cho nay”. Có thể nói, tính hiện thực là một trong những nhân duyên phát triển của thơ vịnh sử, là sự thể hiện tính hợp lí của nó. Chỉ có đạt tới sự thống nhất giữa tinh thần lịch sử và tính hiện thực, thơ vịnh sử mới có sức sống, mới thể hiện được cái giá trị thẩm mĩ của nó. Chẳng hạn Đỗ Mục khi ngâm câu thơ: “Đông phong bất dữ Chu Lang tiện, Đồng Tước xuân thâm tỏa Nhị Kiều” (nếu như gió đông không giúp sự tiện lợi cho Chu Du, thì hai nàng Kiều bị khóa chặt tuổi xuân trong đài Đồng Tước), thì không phải bộc lộ chuyện xưa mà là nỗi bi phần của bản thân, có tài mà không được thi thố, cười xưa nhưng mỉa nay. Đến nhà thơ Ôn Đình Quân thốt lên: “Kim nhật ái tài phi tích nhật, mạc phao tâm lực tác từ nhân” (sự yêu nểm tài năng thời nay chẳng như thời trước, chớ uổng phí tâm sức làm nhà thơ), thì càng là lời lên án lộ ra không giấu được. Chính vì thế, thơ vịnh sử mới tác động sâu sắc tới người đọc, vì tình cảm, tâm tính, tao ngộ, sinh mệnh của tác giả và diện mạo của thời đại thường ở những mức độ khác nhau thẩm thấu trong đó. Đó cũng là gốc rễ biểu trưng của thơ vịnh sử có phong cốt của thơ vịnh hoài.

2. Sự thống nhất giữa cái đẹp lí tính và cái đẹp của thi ý

Lí tính ở đây là chỉ sắc thái tư biện. Thơ vịnh sử lấy nghị luận làm chính, nếu không có nghị luận thì không thành thơ vịnh sử, mà đó chẳng qua chỉ là miêu thuật lịch sử, là thao tác lặp lại đơn giản. Nghị luận tinh thâm sắc bén, mới mẻ, cấu thành nên trụ cột của thơ vịnh sử, hình thành nên sắc thái tư biện của nó, khiến nó trở thành cái đẹp của thơ vịnh sử. Nhưng nghị luận không thể là điều khô khan, nông cạn, nó cần toát ra từ thi ý, từ cái đẹp của thi ca, ở mức độ nhất định, cũng chính là cái mà Ngô Kiều nói: “dụng ý kín đáo”. Sự thống nhất giữa hứng thú lí tính và thi tình, giữa cái đẹp lí tính và cái đẹp thi ý, giữa tri thức lịch sử sâu sắc và thi ý nồng đượm, mới có thể tạo nên sự thành

công cho thơ vịnh sử, mới có thể đưa nội dung lịch sử làm biểu hiện của thi ý.

3. Ý nghĩa triết học

Ý nghĩa triết học là tầng sâu trong kết cấu, tầng sâu của tác phẩm văn học, là nội hàm ở tầng sâu nhất siêu việt tất cả mọi hình thức của tác phẩm cụ thể, là bản chất của cuộc sống, là quy luật bản chất của lịch sử. Nó có tính phổ biến siêu việt không gian và thời gian, tính khái quát siêu việt hình ảnh cụ thể, có sức gợi mở, tế nhị sâu sắc khiến người ta phải suy nghĩ. Có học giả cho rằng, nó là cái đẹp không thể nói bằng lời, đúng như cái “đại âm” mà Lão Tử nói. Thơ vịnh sử đặc biệt là thơ vịnh sử ưu tú, ý nghĩa thực của nó là sự tinh thâm bất biến, là trí tuệ nhân loại và là thể hiện tinh thần vũ trụ. Chẳng hạn các câu thơ như:

- *Lịch lãm tiền hiền quốc dữ gia,*

Thành do cần kiệm phá do xa.

(Trai xem việc nước việc nhà của các bậc thánh hiền đời trước, Thành công là do cần kiệm, thất bại là do xa xỉ)

- *Hữu quốc do lai tại đắc hiền,*

Mạc ngôn hưng phế thị tuần hoàn.

(Được nước xưa nay là do dùng được người hiền tài,

Đừng nên nói hưng phế là theo quy luật tuần hoàn.)

Sách này tuyển chọn hơn 230 bài thơ vịnh sử. Tiêu chuẩn tuyển chọn ở trên đã nói, chỉ nói thêm mấy lời. Thơ vịnh sử các đời không ít, nhất là từ đời Đường về sau, khi thao tác đại để chúng tôi tuân thủ một số nguyên tắc sau:

Tuyển chọn các tác phẩm tiêu biểu của các giai đoạn phát triển nhằm phác họa dòng mạch của thơ vịnh sử.

Tuyển chọn các tác phẩm có phong cách khác nhau, chú trọng đến tính độc đáo của nó. Chú ý đến những tác phẩm mới mẻ tìm tòi ngâm vịnh ở những điểm tĩnh vắng, ngoài những điểm nóng.

Tuyển chọn một số tác phẩm có ý nghĩa tinh thâm, giới nghị luận từ trong các tác phẩm hoài cổ. Bỏ một số bài bình thường cùng tên đề

tài không có đặc sắc. Đó là điều khiến người đọc tiếc rẻ, nhưng đó cũng là điều “vô khả nại hà” (không có thể đặt dấu hỏi) của người tuyển chọn.

Do tính đặc thù của đề tài, chú thích của cuốn sách này chú thích khá nhiều điển tích lịch sử, đó cũng là thực hiện nói có sách, mách có chứng, tiện cho độc giả tham chiếu. Bình điểm là bộ phận quan trọng của cuốn sách này, nó là công việc không rõ ràng chút nào. Soạn giả sau khi đào sâu suy nghĩ đã mạnh dạn nêu ý mới, đồng thời theo đuổi văn phong phóng khoáng, triệt để tuân thủ phương châm đã định, nhưng tự cảm thấy công việc chưa được như ý, không thể không có sai lầm, kính mong được chỉ giáo.

Bài giới thiệu sách này được công bố, cho phép tôi cảm ơn Thạc sĩ Phạm Ánh Sao, Khoa Văn Học - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã cùng tôi dịch thuật hoàn thành cuốn sách, tư liệu quý này.